TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/DS-ST
Ngày 25- 02 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trường Hận
2. Ông Nguyễn Công Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị H, sinh năm 1980 (có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Bùi Ngọc T (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 09/11/2021, cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà T làm chủ hụi ở địa phương.

- Vào ngày 10/5/2019, bà T có mở dây hụi loại hụi 5.000.000 đồng, hụi này có 27 chưng, mỗi tháng khui 01 kỳ. Bà tham gia 01 chưng, đóng được 15 kỳ, bà hốt hụi ngày 10/8/2020, kiêu giá 1.200.000 đồng được số tiền 114.300.000 đồng

sau khi trừ hoa hồng, trừ đi số tiền đóng hụi chết đến mãn 55.000.000 đồng, số tiền còn lại 59.300.000 đồng nhưng phía bà T không có chung.

- Vào ngày 10/10/2019, bà T có mở dây hụi loại hụi 2.000.000 đồng, hụi này có 29 chưng, mỗi tháng khui 01 kỳ. Bà tham gia 02 chưng, đóng được 11 kỳ, bà hốt hụi ngày 10/9/2020 kiêu giá 4400.000 đồng được số tiền 42.280.000 đồng sau khi trừ hoa hồng, trừ đi số tiền đóng hụi chết đến mãn 26.280.000 đồng, số tiền còn lại 16.280.000 đồng x 02 chưng= 32.560.000 đồng nhưng phía bà T không có chung.

Ngày 10/9/2020, bà Tuyết có làm biên nhận nợ số tiền 91.860.000 đồng. Đến tháng 11/2020, bà T có trả được 22.000.000 đồng, số tiền còn lại 69.860.000 đồng đến nay không trả. Nay bà yêu cầu bà T trả cho bà số tiền 69.860.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần, bị đơn bà Bùi Ngọc T đều vắng mặt không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- *Về thẩm quyền*: Do bị đơn bà Bùi Ngọc T có nơi cư trú tại khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp: Nợ tiền hụi, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã ban hành Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (02 lần), Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và tống đạt hợp lệ cho bà Bùi Ngọc T nhưng bà T đều vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Bộ luật tố tụng dân sự; xét xử vắng mặt bà T theo quy định. Bà T không xuất trình bất kỳ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra chứng cứ để chứng minh theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Theo bà H trình bày, bà có tham gia 03 chưng hụi trong 02 dây hụi do bà T làm chủ. Hụi loại 5.000.000 đồng mở ngày 10/5/2019, đóng được 15 kỳ, bà hốt hụi được số tiền 59.300.000 đồng sau khi đã trừ đóng hụi

chết đến mãn. Hụi loại 2.000.000 đồng mở ngày 10/10/2019, bà tham gia 02 chưng, đóng được 11 kỳ, bà hốt hụi được số tiền 32.560.000 đồng, sau khi đã trừ đóng hụi chết đến mãn. Sau khi chốt hụi bà T có làm biên nhận nợ số tiền 91.860.000 đồng. Sau đó có trả được 22.000.000 đồng, số tiền còn lại đến nay không trả. Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trong giao dịch hụi nên bà khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền 69.860.000 đồng.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà T trả cho bà, số tiền 69.860.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; trong giai đoạn xét xử bà H có cung cấp cho Tòa án danh sách hụi viên của 02 dây hụi nêu trên và giấy giao hụi, có xác nhận của Tuyết ghi cụ thể số tiền của 02 dây hụi còn nợ 91.860.000 đồng.

Xét, các bên giao dịch hụi giữa Hồng với bà Bùi Ngọc T là thực tế có xảy ra. Mặc dù bị đơn vắng mặt nhưng đã nhận giấy và đã biết việc bà Lê Thị H khởi kiện đòi số tiền trên nhưng không có ý kiến gì phản hồi. Do đó, căn cứ vào biên nhận chốt hụi ngày 10/9/2020 là có cơ sở làm căn cứ chứng minh được quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bà Bùi Ngọc T phải chịu án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền mà nguyên đơn được chấp nhận; nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 93, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 196, Điều 205, khoản 1 Điều 207, Điều 208, Điều 210, khoản 1 Điều 220, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471 của Bộ luật dân sự 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Bùi Ngọc T trả cho bà Lê Thị H, số tiền 69.860.000 đồng (*Sáu mươi chín triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bà Lê Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Bùi Ngọc T không thi hành xong khoản tiền trên, bà Bùi Ngọc T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Bà Bùi Ngọc T phải nộp số tiền 3.493.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng)*; bà Lê Thị H không phải chịu án phí. Ngày 05/01/2022 bà H có dự nộp 1.747.000 đồng theo lai thu số 0004268 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công